

QUY ĐỊNH VỀ HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ VÀ CÁCH TÍNH THƯỞNG "ÁP DỤNG CHO PHÒNG BÁN HÀNG B2C FR – NĂM 2015"

PHẦN 1: QUY ĐỊNH VỀ HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ

ĐIỀU 1. ĐÁNH GIÁ THÁNG:

1. Đối với cấp Nhân viên và Trưởng nhóm: Là việc tổ chức đánh giá hàng tháng của nhân viên bán hàng B2C Fr.

Trong năm 2015, các chỉ tiêu công việc hàng tháng của nhân viên bán hàng sẽ tập trung vào đánh giá các yếu tố liên quan đến **kỹ năng, cách thức làm việc** của nhân viên bán hàng. Đây cũng là những yếu tổ ảnh hưởng đến chất lượng xử lí, chất lượng tư vấn bán hàng của nhân viên bán hàng B2C Fr trong năm 2015.

Tiêu chí đánh giá và bộ tiêu chuẩn sẽ được áp dụng ở VĂN BẢN đính kèm quy định này.

Phụ thuộc vào tình hình kinh doanh và theo từng thời điểm, các tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá sẽ được xác định lại phù hợp và được Tổng Giám đốc Công ty duyệt ban hành.

Luu ý:

Hệ thống tiêu chí này sẽ áp dụng đồng thời cho tất cả nhân viên sale B2C Fr và trưởng nhóm sales B2C Fr.

Tiêu chí "tinh thần trách nhiệm" dùng để đánh giá nhiều mặt liên quan đến trách nhiệm tập thể, trong đó, có việc thể hiện vai trò trưởng nhóm.

2. Đối với cấp quản lý Phụ trách bán hàng (Phó phòng): Áp dụng tạm thời cơ chế này cho trường hợp của Đoàn Hà _ Phụ trách bán hàng.

Các tiêu chí đánh giá công việc của Phụ trách bán hàng dựa trên:

- Kế hoạch công việc của tháng:
 - O Dựa trên những yêu cầu đặt ra với Phụ trách bán hàng B2C Fr;
 - O Dựa trên những kế hoạch mà BGĐ yêu cầu Phụ trách cần triển khai hàng tháng
- *Mức độ hoàn thành kế hoạch công việc của tháng*, sẽ phân ra làm 5 hạng tương ứng với 5 mức phân loại kết quả công việc đạt được hàng tháng.



3. Điểm quy đổi phân loại hệ số đánh giá công việc hàng tháng: (Ki):

Kết quả đánh giá công việc được đánh giá thành các mức tương ứng, được quy định như sau:

| STT | KPI/ Ki | Tiêu chuẩn | Hệ số | Mức dải điểm |
|-----|-------------------------|------------------|-------|---------------------|
| 1 | Ka | Vượt mong đợi | 1.1 | Từ 102 điểm trở lên |
| 2 | Kb | Tốt | 1.0 | 96 - < 102 |
| 3 | Kc | Khá/ Đạt yêu cầu | 0.8 | 80 - < 96 |
| 4 | Kd Đạt mức trung bình | | 0.5 | 65 - < 80 |
| 5 | Ke Không chấp nhận được | | 0 | < 50 |

ĐIỀU 2. ĐÁNH GIÁ NĂM:

1. Đối với Nhân viên bán hàng B2C Fr (gồm cả trưởng nhóm):

Hệ số đánh giá công việc năm của nhân viên bán hàng B2C Fr (gồm cả những người là trưởng nhóm) được đánh giá dựa trên mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về tỷ lệ thành công trên các hồ sơ xử lí trong năm 2015.

Mốc thời gian tính từ tháng 01.2015 đến tháng 12.2015. Thời gian chốt để tính tỷ lệ hồ sơ thành công của Sale và bộ phận là ngày **16.01.2016**.

2. Hệ số đánh giá công việc năm của bộ phận bán hàng B2C Fr:

Hệ số đánh giá kết quả chung của bộ phận bán hàng B2C Fr năm 2015 được tính tỷ lệ thành công trên tổng số hồ sơ B2C Fr năm 2015. Và tỷ lệ này được xác định vào ngày 16 tháng 01 năm 2016.

Tỷ lệ thành công này được quy định cho năm 2015 là: 32%.

Công ty quy định hệ số đánh giá kết quả công việc cuối năm của bộ phận B2C Fr như sau:

| Tỷ lệ thành công | Hệ số KPI cuối năm |
|------------------|--------------------|
| của cả bộ phận | của cả bộ phận |
| Trên 32% | 1.2 |



| 32% | 1.1 |
|----------|-----|
| 31% | 1 |
| 30% | 0.8 |
| 29% | 0.5 |
| Dưới 29% | 0 |

PHẦN 2: QUY ĐỊNH VỀ TÍNH THƯỞNG CHO BỘ PHẬN B2C FR NĂM 2015

ĐIỀU 3. Tính thưởng tháng:

1. Thưởng tháng của nhân viên bán hàng B2C fr (bao gồm trưởng nhóm B2CFr):

- Công thức tính thưởng:

Thưởng Tháng
$$_{i}$$
 = KPI (Kicn) x 75% tiền thưởng bán hàng tháng

- Trong đó:
- Thưởng tháng_i: Là thưởng của tháng được tính của 1 cá nhân;
- Tiền thưởng nhân viên bán hàng, được áp dụng theo quy định % hiện nay
- KPI (K_{icn}) : Là hệ số điểm đánh giá Ki của cá nhân đạt được trong tháng đánh giá.

2. Thưởng tháng của phụ trách bán hàng:

Thưởng Tháng
$$_{i}$$
 = KPI (Kicn) x 10% tổng tiền thưởng tháng tháng của nhân viên B2C Fr

- Trong đó:
- Thưởng tháng_i: Là thưởng của tháng được tính của Đoàn Hà;
- KPI (K_{icn}): Là hệ số điểm đánh giá Ki của Đoàn Hà đạt được trong tháng.
- 10% tổng tiền thưởng của toàn nhân viên Sale B2C Fr mà Đoàn Hà quản lý.



3. Thời gian áp dụng cách tính trên: Từ tháng 03.2015.

ĐIỀU 4. Tính thưởng năm 2015:

1. Thưởng cuối năm của nhân viên bán hàng B2C F (bao gồm: Nhân viên bán hàng, trưởng nhóm B2C Fr).

2. Thưởng cuối năm của Phụ trách bán hàng Đoàn Hà

```
Thưởng năm = KPI(Kibp) năm x 25% tổng tiền thưởng tích phụ trách của cả B2C Fr lũy cả năm của Phụ trách
```

Trong đó:

- K_{icn}: Là kết quả hệ số đánh giá Ki của cá nhân;
- K_{ibp}: Là kết quả hệ số chung của cả đơn vị B2C Fr.



Phụ lục số 01 _VĂN BẢN HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ VÀ BỘ TIÊU CHUẨN THAM CHIẾU ĐÁNH GIÁ

ĐƠN VỊ: BÁN HÀNG B2C FR

I. Tiêu chí đánh giá tháng:

- 1. Đối với nhân viên và Trưởng nhóm Sale B2C Fr:
- Tỷ trong công việc nhóm Nhân viên được bố cục như sau:

| Nhân viên; Trưở ng nhóm | I | Chỉ tiêu chất lượng công việc: Chất lượng xử lý: Quy trình, quy định; Hình thức trình bày; | 80% | % nhóm I+% nhóm II + % nhóm III=100% |
|-------------------------------------|-----|---|------|--|
| | II | Kỹ năng Thái độ | 10 % | |
| | III | Điểm cộng (nếu có) | 10% | |

- **Tổng điểm tỷ trọng tối đa: 110 %.** Điểm tỷ trọng có thể được thay đổi theo thời điểm (tháng) tùy theo yêu cầu công việc và BGĐ sẽ quyết định.
- **Điểm cộng:** (*Là điểm được cộng thêm*), nhưng không được vượt quá 10% tỷ trọng, nghĩa là tổng điểm tối đa là 110 điểm;
- Điểm cộng được tính khi và chỉ khi:
 - Có chỉ tiêu có tính chất khuyến khích (cải tiến, sáng tạo nâng cao hiệu quả hoạt động,... hoặc khả năng xử lý khối lượng công việc nhiều và đạt kết quả tốt);
 - O Chỉ tiêu phát sinh được BGĐ giao;
 - O Hàng tháng, trong kỳ họp đánh giá KPI sơ bộ, Trưởng các đơn vị phải xin ý kiến phê duyệt của Ban Điều hành về chỉ tiêu phát sinh, gồm: nội dung công việc, nhân sự thực hiện, tỷ trọng phát sinh đề xuất.



- Phòng HCNS có nhiệm vụ ghi chép và kiểm soát theo phê duyệt của Ban Điều hành.
- Bộ tiêu chuẩn hướng dẫn làm cơ sở tính điểm như sau:
 - Thang điểm tương ứng cấp độ điểm số, có 5 thang điểm đo: (100 điểm = vượt mong đợi (Xuất sắc); 80đ = Tốt; 60đ = Khá; 40đ = Trung bình; 20đ = Không đạt).
 - O Khung tiêu chuẩn biểu hiện cấp độ xuất sắc (vượt mong đợi) như sau:

| STT | Chỉ tiêu đánh giá | Mức đo lường | Biểu hiện | Ghi chú | | | |
|------|---------------------------------------|---------------------------------|---|---|--|--|--|
| I | Chất lượng xử lý: | | | | | | |
| 1.1. | Thời gian xử lý (trả lời) | Mức xuất sắc / Vượt mong đợi | Nhanh, trước 1 ngày so với Quy định công ty, Thời gian xử lý demande (trong ngày) Thời gian trả lời retour trước khi khách CFM (trong 1 ngày) Thời gian trả lời retour sau khi khách CFM (trong ngày) | Thời gian xử lý: Thỏa mãn và làm hài lòng khách hàng | | | |
| | | Mức Tốt = 80 điểm | (bằng) với Quy định Công ty, như: Thời gian xử lý demande (đạt chuẩn) Thời gian trả lời retour trước khi kh chuẩn= dưới 1 ngày) Thời gian trả lời retour sau khi khác chuẩn= dưới 2 ngày); | nách CFM (đạt | | | |
| | | Mức tiếp theo | Cứ mỗi lần vi phạm, sẽ bị trừ giảm đị | i 1 mức. | | | |
| | | Mức xuất sắc / | Dịch vụ lựa chọn đúng theo yêu cầu cuối cùng của khách | u ban đầu/yêu cầu | | | |



| | | Vượt mong đợi | Các hoạt động phù hợp với độ tuổi/yêu cầu của khách |
|------|----------------------|---------------------------------|--|
| 1.2. | Dịch vụ lựa | | Dịch vụ phải đảm bảo tiêu chuẩn của Amica, nằm trong danh sách đối tác, đối tác chiến lược của Amica (trừ trường hợp ngoại lệ do khách yêu cầu) |
| | chọn | | Trong khi đặt dịch vụ, nếu dịch vụ đề xuất ban đầu full, cần tìm dịch vụ thay thế tương đương về mặt chất lượng. Nếu DV thay thế có chất lượng thấp hơn DV ban đầu đề xuất, cần điều chỉnh giá tour cho hợp lý, theo hướng có lợi cho khách hàng để tránh phản nàn của khách khi đi tour. |
| | | Mức tiếp theo | Cứ mỗi lần vi phạm, sẽ bị trừ giảm đi 1 mức. |
| | | Mức xuất sắc / | Devis gửi cho khách đúng với yêu cầu ban đầu của khách |
| 1.3 | | Vượt mong đợi | Chỉ ra được những điểm khác biệt của sản phẩm do Amica cung cấp; |
| | Hành trình | | Không được đề xuất khách thăm quan các điểm du lịch vào ngày điểm du lịch đóng cửa. |
| | tour | | Không được mắc lỗi copy/paste khiến nội dung chương trình tour không hợp lý |
| | | | ■ Thứ tự hành trình thăm quan phải hợp lý (không tính thứ tự thăm quan các điểm trong thành phố, ví dụ: city tour Hà Nội, Luang Prabang, Huế, vì hướng dẫn hoàn toàn có thể thay đổi thứ tự thăm quan sao cho phù hợp với thời gian, thời tiết ngày thăm) |
| | | Mức tiếp theo | Cứ mỗi lần vi phạm, sẽ bị trừ giảm đi 1 mức. |
| | | | Thể hiện nội dung chào hàng cách chuyên nghiệp: |
| 1 4 | | | Chỉ ra được những điểm khác biệt của sản phẩm do Amica cung cấp (nếu có) |
| 1.4. | Cách chào hàng | | Khi đề xuất cho khách nhiều options, phải phân tích sự khác nhau giữa các options và có lời khuyên đối với pax: "nên chọn option nào". |
| | qua mail | Mức xuất sắc / Vượt mong đợi | Giới thiệu những điểm chính của chương trình một cách ngắn gọn. Không lan man, dài dòng, không đi vào chi tiết vì mọi thông tin chi tiết đã có trong devis; |



| | | | Có lồng ghép sự trải nghiệm của bản thân để thuyết phục khách hàng. |
|-----|-----------------------------|---------------------------------|--|
| | | Mức tiếp theo | Cứ mỗi lần vi phạm, sẽ bị trừ giảm đi 1 mức. Trong quá trình đi tour, nếu khách hàng không hài lòng do lỗi của Sale thì sẽ bị trừ điểm xuống mốc = không đạt. |
| 1.5 | Lập luận, nội dung | Mức xuất sắc / Vượt mong đợi | Lập luận đưa ra phải thuyết phục, có ví dụ cụ thể (nếu được) Không đưa ra những câu trả lời đóng, cần đưa ra những câu hỏi, câu trả lời mang tính gợi ý. Cụ thể: Hạn chế những câu trả lời đóng, theo kiểu chỉ trả lời Oui/Non với khách hàng. Ví dụ: khách hỏi Amica có thay đổi điều kiện hợp đồng, cho pax thanh toán tiền solde sau khi đã đi được nửa tour không? Câu trả lời là "Không" nhưng nhân viên bán hàng phải giải thích tại sao không và cân nhắc cho khách thanh toán tiền solde vào ngày thứ 2 của tour chứ không phải ngày đầu tiên của tour như hợp đồng quy định. Đối với tình huống khó, phải hỏi ý kiến trưởng nhóm, trưởng/phó bộ phận, nhờ một bạn nước ngoài hỗ trợ ngôn ngữ. |
| | | Mức tiếp theo | Cứ mỗi lần vi phạm, sẽ bị trừ giảm đi 1 mức. |
| 1.6 | Tiếng Pháp | Mức xuất sắc / Vượt mong đợi | Đơn giản, dễ hiểu, câu văn không quá phức tạp, dài dòng. Không viết những câu khiến người đọc hiểu nhầm, hiểu theo nhiều ý. Không mắc những lỗi ngữ pháp cơ bản (vd: danh từ đi với trạng từ, giữa 2 danh từ không có giới từ như "de",; Không mắc lỗi copy/paste. |
| | | Mức tiếp theo | Cứ mỗi lần vi phạm, sẽ bị trừ giảm đi 1 mức. |



| II. (| Quy | trình, | quy | định |
|-------|-----|--------|-----|------|
|-------|-----|--------|-----|------|

| II. Qu | y ti iiii, | quy uinn | |
|--------|-------------|---------------------------------|--|
| | Quy | | ■ Trước khi khách CFM tour, cần update đầy đủ thông tin cá nhân (email, số điện thoại,) của khách hàng lên IMS; |
| 1. | định bán | Mức xuất sắc / Vượt mong đợi | Gửi file « Questions et response sur les offres d'Amica » kèm với devis 1 cho khách; |
| | hàng | | Nếu khách không mua tour, phải gửi và gửi đúng link questionnaire non acheteur cho khách. |
| | | | Chuyển hồ sơ sang Điều hành theo đúng quy định (không được chuyển trước khi khách có confirm chính thức); |
| | | | Ghi chú đầy đủ những thông tin cần thiết, thông tin, giá dịch vụ mới cho các bộ phận khác theo dõi. |
| | | | Báo cáo hoàn thành đặt dịch vụ với khách đúng hạn (chậm nhất là sau 3 ngày sau khi chuyển HS sang điều hành, ĐH sẽ có báo cáo cho sale và muộn nhất là 1 ngày sau, tức 4 ngày sau khi chuyển HS sang ĐH, sale phải báo cáo cho khách); |
| | | | Làm hoá đơn đặt cọc và solde đầy đủ và đúng hạn; |
| | | | ■ Thông tin trên hoá đơn phải chính xác (không được nhầm lẫn euros/usd, nhầm đường link One Pay, nhầm tên khách,); |
| | | | Có gửi công văn visa cho khách và báo cho điều hành biết việc sale đã gửi CV visa cho khách nhanh nhất, đúng hạn quy định. |
| | | | Gửi hợp đồng và conditions de ventes cho khách sau khi xác nhận đồng ý; |
| | | | Yêu cầu khách ký vào HĐ rồi gửi lại cho Amica sóm nhất; |
| | | | Gửi hoá đơn solde cho đối tác thu tiền hộ Amica đúng hạn; |
| | | | Khi có hồ sơ điều hành, mọi giao dịch với các bộ phận có liên quan đến hồ sơ điều hành đều có chèn code tour vào subject đầy đủ, chính xác. |
| | | | |



| | | Mức tiếp theo | Cứ 02 lỗi vi phạm, sẽ bị trừ giảm đi 1 mức. | Nhiệm vụ nào liên quan đến thời hạn, cứ chậm trên 1 ngày bị giảm 1 mức tương ứng |
|---|---|---|---|--|
| 2 Sử dụng công cụ tác nghiệp trên IMS demande. Dặt nhiệm vụ theo dõi hồ Có up bảng tính giá lên hổ lên hồ sơ đầy đủ và chính Luôn theo dõi và phối hợp quan của các bộ phận từ k | | Phải đặt nhiệm vụ xử lý HS ngay kh demande. Đặt nhiệm vụ theo dõi hồ sơ Có up bảng tính giá lên hồ sơ đầy đủ Có up báo cáo ghi tóm tắt nội dung c lên hồ sơ đầy đủ và chính xác; Luôn theo dõi và phối hợp check, nơ quan của các bộ phận từ khi mở HS thúc tour khi các bộ phận khác ghi c | và chính xác cuộc gọi điện thoại ote thông tin liên tour đến khi kết | |
| | | Mức tiếp theo | Cứ mỗi lần vi phạm, sẽ bị trừ giảm đi 1 mức. | |
| 3. | Chất lượng xử lý thông tin khách hàng | Mức xuất sắc / Vượt mong đợi | 1 11 . | |
| | | Mức tiếp theo | Cứ mỗi lần vi phạm, sẽ bị trừ giảm đi Cứ 1 lỗi sự cố bị trừ dần 1 khung điển Nếu để trình trạng chất lượng tour có hoặc khách phàn nàn phải bồi thường, ko đạt; | n; sự cố nghiêm trọng |



| III. Hìn | nh thức tr | ình bày: | |
|----------|--------------------------------------|---------------------------------|--|
| | | | Thể hiện sự chuyên nghiệp từ việc trình bày, đến nội dung, chủ đề gửi thư, phông chữ, điểm nhấn, chỉ dẫn, |
| 1. | Hình thức trình bày mail | Más vyiết «× a / | ■ Email gửi cho khách đúng quy định; (subj chuẩn là mỗi khi gửi 1 devis cho khách, chủ đề sẽ là: devis 1 d'Amica Travel pour M./Mme. X, devis 2,devis n d'Amica Travel pour M./Mme. Y); Đối với email premier contact, chủ đề là: Amica Travel – projet de voyage de M./Mme. XYZ,); |
| | | Mức xuất sắc / Vượt mong đợi | Phông chữ trong email phải thống nhất; không sai chính tả; |
| | | | Khi reply email cho khách, phải thể hiện được chủ đề ngắn gọn, súc tích, phù hợp trong bất kỳ nội dung nào (dù khách có hay không có chủ đề gửi cho sale). |
| | | | Đúng thông tin khách sạn và có đường link trang web đầy đủ, chính xác. |
| | | Mức tiếp theo | Cứ mỗi lần vi phạm, sẽ bị trừ giảm đi 1 mức. |
| 2. | Trình bày devis | Mức xuất sắc / Vượt mong đợi | Trình bày devisđẹp, đúng form chuẩn của Amica,đúng phông chữ, cỡ chữ đồng nhất; Cỡ chữ, hiệu ứng bôi đậm, in nghiêng, thể hiện được sự hợp lý. Việc copy/paste chương trình đồng nhất về nội dung, đúng tong; logic. Không mắc lỗi khi copy/paste trong chương trình; |
| | | | Ånh lựa chọn để làm devis; phải được căn chỉnh đúng kích cỡ, phù hợp với chủ đề của chương trình. |
| | | | ■ Không mắc lỗi chính tả. |



| | 1 | 1 | | |
|--------|---------------------|---------------------------------|--|--|
| | | Mức tiếp theo | Cứ mỗi lần vi phạm, sẽ bị trừ giảm đi 1 mức. Lưu ý: Mức đạt: cho phép copy/paste trong chương trình nhưng tối đa mắc 2 lỗi không gây hậu quả nghiêm trọng | Nếu lỗi gây ra hậu quả nghiêm trọng, phát sinh chi phí mà Điều hành hoặc những người thực hiện hiểu sai chương trình thì 1 lỗi copy/paste đã là không đạt. |
| 3. | Bản đồ | Mức xuất sắc / Vượt mong đợi | Đẹp, dễ hiểu; Trình bày khoa học, có hình minh họa; Có chú thích như ngoài việc thể hiện vùng, địa phận; dùng một số ký hiệu hoặc biểu tượng thông tin hỗ trợ cho bản đồ được sinh động; Có chỉ dẫn đường; | |
| | | Mức tiếp theo | Cứ mỗi lần vi phạm, sẽ bị trừ giảm đi | 1 mức. |
| IV. KÝ | NĂNG - T | THÁI ĐỘ | | |
| 1. | Làm việc nhóm | Mức xuất sắc / Vượt mong đợi | Tham gia họp nhóm đầy đủ, đúng giờ và có chuẩn bị nội dung cụ thể; Có ý kiến đóng góp tích cực và hiệu quả (Đưa ra được những hướng xử lý hợp lý). Luôn có tinh thần hợp tác, hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp trong nhóm một cách nhiệt tình và hiệu quả nhất; Thể hiện sự chủ động tham gia vào việc xây dựng nội dung và nhiệm vụ mang tính chất xây dựng và chân thành; Trước và sau khi họp có take note lên IMS đầy đủ. | |
| | | | dung và nhiệm vụ mang tính chất xâ thành; | y dựng và châ |



| | | | Cứ mỗi lần vi phạm, sẽ bị trừ giảm đi 1 mức. |
|---|--------------------------------------|---------------------------------|--|
| | | Mức tiếp theo | Mức bình thường: Thụ động; thường là chỉ có yêu cầu mới làm; |
| | | | Kém: Không có tinh thần hợp tác hoặc không chuẩn bị, hỗ trợ; thiếu thiện chí, luôn nói ko có ý kiến gì, |
| | | | Làm báo cáo cuối tháng, cuối năm đúng hạn; |
| 2 | Báo cáo | 5. 4. | Format chuẩn, không lỗi, không có các ô vô nghĩa, hoặc không có thông tin; |
| | tháng | Mức xuất sắc / Vượt mong đợi | Có ý kiến góp ý cụ thể, mang tính xây dựng trong báo cáo; |
| | | | Có nhìn thấy được nguyên nhân chủ quan, khách quan thành công; |
| | | | Có phân tích được nguyên nhất khách quan khiến hồ sơ thất bại; đúc kết kinh nghiệm và lưu ý; |
| | | Mức tiếp theo | Cứ mỗi lần vi phạm, sẽ bị trừ giảm đi 1 mức. |
| 3 | Tinh | | Khi nghỉ phép có bàn giao công việc cụ thể, rõ ràng cho người hỗ trợđúng thời gian quy định; |
| | thần trách | Mức xuất sắc / | Sẵn sàng xử lý những việc liên quan có tính chất khẩn cấp trong lúc nghỉ phép nhanh, gọn và hiệu quả; |
| | nhiệm (*) (Được | Vượt mong đợi | Sẵn sàng hỗ trợ đồng nghiệp; chủ động và nhiệt tình giúp đỡ đồng nghiệp, nhân viên mới: không phải để phân công mới làm, khi thấy đồng nghiệp cần hỗ trợ, kịp thời tư vấn và chỉ bảo tận tình nhanh nhất; không phải để chờ đợi hoặc từ chối với lý do gì; |
| | hiểu qua biểu | | Sẵn sàng xử lý sơ lược hồ sơ (phải có chất lượng) vào dịp các dịp nghỉ Lễ, Tết, Sẵn sàng xử lý trouble cuối tuần đáp ứng nhanh, hiệu quả; |
| | hiện theo bảng dưới đây) | | Sẵn sàng và chủ động chia sẻ kinh nghiệm, những lỗi mình đã mắc phải với đồng nghiệp để mọi người cùng rút kinh nghiệm: thông qua trao đổi; họp nhóm hoặc chủ động tập hợp thành nội dung và trình bày cho mọi người; cảnh báo những vấn đề cần phải chú ý; hoặc có thể chủ động gửi mail cho nhóm. |
| | | Mức tiếp theo | Cứ mỗi lần vi phạm, sẽ bị trừ giảm đi 1 mức |



| (*) Phần hướng dẫn đánh giá những biểu hiện của Tinh thần trách nhiệm và sự hợp tác | | | | | | | | | |
|---|---|----------------------------|---|---|---|--|--|--|--|
| CÁC NÔI DUNG | ĐIỂM ĐÁNH GIÁ | | | | | | | | |
| CÁC NỘI DUNG | 1 | 2 3 | | 4 | 5 | | | | |
| | Vị kỷ | Phối hợp theo yêu cầu | Biết giúp đỡ đồng nghiệp | Chia xẻ khó khăn và trách nhiệm | Vì thành công của tập thể | | | | |
| Tinh thần trách nhiệm | Không tự giác, Trễ nải; hoặc lẫn tránh vấn đề Chưa hoàn thiện; để phải nhắc hoặc phải đề nghị đòi hỏi mới làm (chỉ làm theo bổn phận) | | Tự giác; Chăm chỉ chuyên chú cho công việc; | Toàn diện và tự giác; Hết mình vì công việc ko ngại thời gian | Toàn diện và gương mẫu: Xung phong nhận đảm trách khối lượng công việc nhiều mà không cần đòi hỏi chế độ. | | | | |
| Ý thức phấn đấu chuyên môn (tự học hỏi) | Chưa có kế hoạch | Kế hoạch chưa thực hiện | Đang có kế hoạch khả thi; tự tìm tòi học hỏi mà ko cần phải nhắc nhở | Tinh thần học hỏi tự hoàn thiện: Đã thực hiện và áp dụng được vào công việc tốt | Có kế hoạch và đạt xuất sắc: tự đào tạo và truyền đạt lại cho người khác | | | | |
| Đối với Trưởng nhóm | Đối với Trưởng nhóm; Phụ trách Phòng nội dung tham chiếu sẽ là: | | | | | | | | |
| Phổ biến và áp dụng các chính sách/quy trình thủ tục | Không đồng bộ | Chưa triệt để | Cập nhật thường xuyên | Áp dụng đầy đủ | Đào tạo và áp dụng đầy đủ và bài bản | | | | |



| Tổ chức họp nhóm và phân công nhiệm vụ | Không đồng bộ; Né tránh trách nhiệm về hậu quả do mình gây ra | Chưa triệt để; Trễ nải trong việc trao đổi thông tin cũng như việc xử lý thông tin cho nhân viên | Đúng yêu cầu; Trao đổi, theo dõi, huấn luyện Nhân viên hoàn thành kế hoạch | Tích cực, chủ động: Thường xuyên trao đổi, theo dõi, hỗ trợ Nhân viên kịp thời hoàn thành công việc | Tích cực & sáng tạo: Có sự chuẩn bị và backup công việc hiệu quả. |
|--|--|--|---|---|---|
| Thực hiện công tác kiểm soát của nhóm | Không đồng bộ; Tuỳ tiện | Chưa triệt để; chỉ dựa vào báo cáo mà ko tìm hiểu thêm | Đúng yêu cầu; phát hiện ra sai sót | Tích cực chủ động; chỉ đạo việc sửa chữa sai sót | Tích cực & sáng tạo: Hướng dẫn và ngăn chặn |
| Sự hợp tác | | | | | |
| Trợ giúp và sẵn sàng chia sẻ | Thiếu tinh thần hỗ trợ đồng nghiệp | Có tinh thần hỗ trợ nhưng chưa cao | Luôn hỗ trợ giúp đỡ đồng nghiệp | Làm gương sáng, luôn hỗ trợ giúp đỡ đồng nghiệp kể cả ngoài bộ phận | Giúp nhiều người đạt được tiêu chí này |



II. Đánh giá năm:

1. Đối với nhân viên; Trưởng nhóm Sale B2C Fr: tiêu chí áp dụng là:

1.1. Tỷ lệ thành công theo kế hạch được chia theo mức sau:

| | | Tỷ lệ thành công | | | | | |
|-----|---------------------------|------------------|-------------|-------------|--|--|--|
| STT | Nguồn | Nhóm 1 | Nhóm 2 | Nhóm 3 | | | |
| 1 | Adword | 28% đến 30% | 25% đến 27% | 22% đến 24% | | | |
| 2 | Direct Web | 46% đến 48% | 43% đến 45% | 40% đến 42% | | | |
| 3 | Lượng khách giới thiệu | 71% đến 73% | 68% đến 70% | 65% đến 67% | | | |
| 4 | Khách quay lại | 59% đến 61% | 56% đến 58% | 53% đến 55% | | | |
| 5 | Web search | 46% đến 48% | 32% đến 34% | 29% đến 31% | | | |

- a. Thang tính điểm theo tỷ lệ thành công là:
- Nhóm 1:

| TT | Tiêu chí | Tỷ trọng (T) | Định nghĩa /tiêu chí chấm điểm | | | | |
|----------------------------|---------------------------|--------------------|--------------------------------|----------------|-------------|----------------|----------|
| | | | 20 điểm | 40 | 60 | 80 | 100 điểm |
| Tỷ lệ thành công Nhóm 1 | | 100% | | | | | |
| | Adword: | 20% | dưới 25% | 25% đến 27% | 28% đến 30% | 31% đến 33% | trên 33% |
| | Direct Web | 20% | dưới 43% | 43% đến 45% | 46% đến 48% | 49% đến 51% | trên 51% |
| | Lượng khách giới thiệu | 20% | dưới 68% | 68% đến 70% | 71% đến 73% | 74% đến 76% | trên 76% |
| | Khách quay lại | 20% | dưới 56% | 56% đến 58% | 59% đến 61% | 62% đến 64% | trên 64% |
| | Web search | 20% | dưới 43% | 43% đến 45% | 46% đến 48% | 49% đến 51% | trên 51% |

Add. Building NIKKO, 3rd floor, 27 Nguyen Truong To, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam Tel. +84 4 62 73 44 55 Email. info@amica-travel.com Fax. +84 4 62 73 35 04





- Nhóm 2:

| TT | Tiêu chí | Tỷ trọng | Định nghĩa /tiêu chí chấm điểm | | | | |
|---------------------|---------------------------|-------------|--------------------------------|----------------|-------------|----------------|----------|
| | | (T) | 20 điểm | 40 | 60 | 80 | 100 điểm |
| Tỷ lệ thành công | Nhóm 2 | 100% | | • | • | • | • |
| | Adword: | 20% | dưới 22% | 22% đến 24% | 25% đến 27% | 28% đến 30 | trên 30% |
| | Direct Web | 20% | dưới 39% | 40% đến 42% | 43% đến 45% | 46% đến 48% | trên 48% |
| | Lượng khách giới thiệu | 20% | dưới 65% | 65% đến 67% | 68% đến 70% | 71% đến 73% | trên 73% |
| | Khách quay lại | 20% | dưới 53% | 53% đến 55% | 56% đến 58% | 59% đến 61% | trên 61% |
| | Web search | 20% | dưới 29% | 29% đến 31% | 32% đến 34% | 35% đến 37% | trên 37% |

- Nhóm 3:

| ТТ | Tiêu chí | Tỷ trọng | | | | | |
|---------------------|---------------------------|-------------|----------|----------------|-------------|----------------|----------|
| | | (T) | 20 điểm | 40 | 60 | 80 | 100 điểm |
| Tỷ lệ thành công | Nhóm 3 | 100% | | | | | |
| | Adword: | 20% | dưới 19% | 19% đến 21% | 22% đến 24% | 25% đến 27% | trên 27% |
| | Direct Web | 20% | dưới 37% | 37% đến 39% | 40% đến 42% | 43% đến 45% | trên 45% |
| | Lượng khách giới thiệu | 20% | dưới 62% | 62% đến 64% | 65% đến 67% | 68% đến 70% | trên 70% |
| | Khách quay lại | 20% | dưới 50% | 50% đến 52% | 53% đến 55% | 56% đến 58% | trên 58% |
| | Web search | 20% | dưới 26% | 26% đến 28% | 29% đến 31% | 32% đến 34% | trên 34% |

1.2. **KPI của cả đơn vị:** Như bảng quy định hệ số mục 2, Điều II của Phần 1, nội dung quy định này.

Tel. + 84 4 62 73 44 55

Fax. + 84 4 62 73 35 04

Add. Building NIKKO, 3rd floor, 27 Nguyen Truong To, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam Email. info@amica-travel.com





2. Đối với Phụ trách Bán hàng Sale B2C Fr:

- Theo nguyên tắc mục 2, Điều 4 của quy định này;

III. Quy trình tổ chức thực hiện:

- Cuối hàng tháng, Tổng Giám đốc và Phòng HCNS chỉ định xác xuất hồ sơ của các nhân viên sale để quản lý có trách nhiệm đánh giá;
- Tổng điểm đánh giá được tính chính bằng tổng điểm đánh giá của số hồ sơ được kiểm tra. Kết quả đánh giá cuối cùng được phản ánh bằng điểm hệ số;
- Trong bất kỳ trường hợp nào, Công ty sẽ không đồng ý với việc giải thích hay biện hộ của nhân viên khi tình trạng hồ sơ không đạt chuẩn như yêu cầu.
- Yêu cầu tất cả các CBNV nghiêm túc thực hiện đúng quy định về việc bán hàng;

IV. Hiệu lực áp dụng:

- Phụ trách bán hàng có trách nhiệm phổ biến cho CBNV trong đơn vị. Trưởng phòng HCNS có trách nhiệm kiểm soát việc thực hiện quy định này.
- Quy định này có hiệu lực kể từ 01.03.2015, mọi quy đinh trước đây trái với nội dung quy định này đều bác bỏ;
- Trong quá trình làm, nếu có bất cập hoặc phát sinh, CBNV thông tin cho Phòng HCNS; Trưởng đơn vị để trình Tổng Giám đốc xem xét bổ sung hoặc điều chỉnh cho phù hợp hoặc quyết định thêm những tiêu chuẩn đo lường (nếu cần).

Tel. + 84 4 62 73 44 55

Fax. + 84 4 62 73 35 04

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hà Đức Mạnh

Nơi nhận:

- Chủ tịch/ Để báo cáo;
- Phòng B2C Fr;
- Lưu NS.

